

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-PT

Ngày: 16 - 02 - 2023

V/v “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha.

Bà Nguyễn Thị Nhiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1943 và bà Ngô Thị D, sinh năm 1943; Đều vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông M, bà D: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2023);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn V1, sinh năm 1950 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1951; Ông V1 có mặt, bà H vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H: Ông Lê Văn V1, sinh năm 1950 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 07/9/2022); Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đoàn Thu V2, sinh năm 1970; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Bà Nguyễn Hồng G, sinh năm 1990;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà G: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2023);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3.3. Anh Nguyễn Nhật M, sinh năm 1999; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3.4. Chị Nguyễn Thị Trúc A, sinh năm 1992; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Vào năm 1997, ông Lê Văn A (chết năm 2005) có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C (chết năm 2021) diện tích đất 3.000 m² tại tổ 7, Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình có khai phá thêm 500 m². Đến năm 2004 ông C tặng cho toàn bộ diện tích trên cho cha ruột là ông Nguyễn Văn M. Từ khi nhận chuyển nhượng thì gia đình sử dụng ổn định từ đó đến nay, có trồng nhiều cây ăn trái.

Ngày 27/11/2008 UBND huyện K ban hành Quyết định số: 814/QĐ-UBND thu hồi diện tích 51m² đất của gia đình để làm lộ quanh đảo. Hiện phần đất đang tranh chấp thì gia đình đang sử dụng làm tiệm sửa xe.

Nay nguyên đơn yêu cầu công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế là 101,5 m² đất tọa lạc tại Ấp B, xã S, huyện K.

**** Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn V1, bà Đặng Thị H trình bày:***

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp do gia đình ông khai khẩn từ năm 1968, sau đó ông có chuyển nhượng cho nhiều người gồm: Mai Trường G1; Cao Quốc K và một số hộ khác, hiện ông còn diện tích khoảng 831m² tọa lạc Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Năm 2015, vợ chồng ông M, bà D có xin cho con là anh Nguyễn Văn T ở nhờ để cất nhà sửa xe và ông đồng ý, việc ở nhờ chỉ nói miệng không có giấy tờ gì. Sau đó ông M có trồng một số cây ăn trái như mít, dứa.

Nay ông V1, bà H đề nghị bác yêu cầu công nhận đất của ông M, bà D, đồng thời yêu cầu giao trả phần đất đang tranh chấp cho gia đình ông quản lý, sử dụng.

*** Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thu V2 trình bày:**

Bà là vợ ông Nguyễn Văn C, chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn A đất tại Ấp B, xã S còn diện tích bao nhiêu thì bà không nhớ, tiền chuyển nhượng là tiền của ông M. Sau đó ông C cũng đã giao lại toàn bộ diện tích cho ông M quản lý sử dụng. Nay chồng bà V2 chết thì bà cũng không có tranh chấp gì, thống nhất giao cho ông M, bà D quản lý, sử dụng.

*** Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng G trình bày:**

Bà G là vợ ông Nguyễn Văn T, diện tích đất đang tranh chấp vợ chồng bà đang sử dụng cất 01 căn nhà tạm làm tiệm sửa xe từ năm 2009 đến nay, bà không có ý kiến gì trong vụ án này, nếu Tòa án tuyên giao đất cho ai thì bà cũng chấp hành không có khiếu nại gì.

*** Tại bản tự khai ngày 19/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trúc A, anh Nguyễn Nhật M trình bày:**

Chị Trúc A và anh M là con ruột của ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thu V2. Trước đây cha là ông C có 01 thửa đất tọa lạc tại Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Sau đó tặng cho lại ông bà nội là Nguyễn Văn M, Ngô Thị D. Nay chị Trúc A và anh M không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án này, thống nhất giao cho ông bà nội tiếp tục quản lý, sử dụng.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D diện tích đo đạc thực tế 101,5m², đất tọa lạc tại tổ 7 Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Vị trí theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án kết hợp Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 01/3/2022 gồm vị trí 1,2,3,4 trong đó: vị trí 1-2=10,55m giáp đất Cao Quốc K, 2-3=10,01m giáp đất Nhà nước quản lý (Gành đá), 3-4=9,75m giáp đất ông Nguyễn Văn M và vị trí 4-1=10,07m giáp Đường quanh đảo Lại Sơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

*** Ngày 09/9/2022, bị đơn ông Lê Văn V1 kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D; công nhận cho gia đình ông được tạm sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn ông Lê Văn V1 yêu cầu công nhận cho gia đình ông V1 được quyền sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế 101,5m² tọa lạc tại tổ 7 Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D yêu cầu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V1.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; kết quả tranh luận tại phiên tòa của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V1 yêu cầu công nhận cho gia đình ông V1 được quyền sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế 101,5m² tọa lạc tại tổ 7 Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

[2.1] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D yêu cầu công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế là 101,5 m² đất tọa lạc tại Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Lê Văn V1 và bà Đặng Thị H yêu cầu công nhận cho gia đình ông V1 được quyền sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế 101,5m² tọa lạc tại tổ 7 Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thu V2 xác định chồng bà V2 chết thì bà cũng không có tranh chấp gì, thống nhất giao cho ông M, bà D quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng G xác định không có ý kiến gì trong vụ án này, nếu Tòa án tuyên giao đất cho ai thì bà cũng chấp hành không có khiếu nại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trúc A, anh Nguyễn Nhật M xác định chị Trúc A và anh M không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án này, thống nhất giao cho ông bà nội tiếp tục quản lý, sử dụng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D yêu cầu công nhận diện tích 470m² (đo đạc thực tế 101,5 m²) tọa lạc tại Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp diện tích đo đạc thực tế 101,5m². Vào năm 1997, ông Lê Văn A (chết năm 2005) là anh ruột bị đơn ông V1 có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C (chết năm 2021) diện tích 3.000 m² tại ấp Thiên Tuế, xã S, huyện K nay thuộc tổ 7, Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2004, ông C tặng cho toàn bộ diện tích trên cho cha ruột là ông Nguyễn Văn M. Trước khi ông C tặng cho cha ruột thì ông C đã giao cho ông M quản lý, sử dụng phần đất này để cất nhà nấu rượu và trồng nhiều cây ăn trái. Sau khi nhận chuyển nhượng từ năm 1997 và được nhiều người dân sinh sống lâu năm và Ban lãnh đạo ấp tại tổ 7, Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang xác nhận trong các biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 27/11/2008, UBND huyện K, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND thu hồi diện tích 51m² đất của gia đình ông M tại ấp T, xã S, huyện K (nay thuộc Ấp B, xã S, huyện K) để làm lộ quanh đảo và gia đình đã nhận tiền bồi thường xong, phần đất bị thu hồi giáp liền kề với phần đất đang tranh chấp, hiện gia đình ông T, bà G cất nhà để sử dụng làm tiệm sửa xe từ năm 2015 đến nay.

Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có Thông báo số 10/2022/TB-TA ngày 21/3/2022 yêu cầu ông V1 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc ông cho rằng phần đất đang tranh chấp là của ông nhưng ông V1 không cung cấp được và ông V1 yêu cầu Tòa án xác minh 03 hộ biết sự việc về nguồn gốc đất của ông V1 cụ thể là bà Nguyễn Thị V3 và ông Cao Văn K xác định, không nắm rõ nguồn gốc đất (BL 104, 78), còn ông Nguyễn Văn L, ông Châu Văn T1 khẳng định nguồn gốc đất là của ông M trước đây có cất nhà nấu rượu và trồng nhiều cây ăn trái.

Tại phiên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020 (BL 45), bản tự khai ngày 22/3/2022 (BL 54) ông V1 khai ông có khai phá đất sau đó bán cho nhiều người trong đó có ông Cao Quốc K nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2022 (BL 78) ông K khai nhận chuyển nhượng của gia đình ông Nguyễn Văn T chứ không phải ông V1 và tại phiên tòa ông V1 thừa nhận ông không có chuyển nhượng đất cho ông K, ông V1 khai ông không được bồi thường đất khi nhà nước làm lộ quanh đảo đối với phần đất giáp liền

kề với phần đất đang tranh chấp.

Cấp sơ thẩm nhận định, ông C (con ông M) sử dụng đất sau đó giao lại cho cha ruột là ông M sử dụng từ năm 1997 đến nay, trong quá trình sử dụng trên đất có trồng nhiều cây ăn trái, ông M sử dụng đất liên tục đến năm 2008 UBND huyện K thu hồi một phần diện tích 51m², có bồi thường diện tích đất và nhiều cây ăn trái trên đất. Như vậy thể hiện có việc cơ quan có thẩm quyền xác định đất có nguồn gốc là của ông M, việc ông M sử dụng đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không vi phạm pháp luật về đất đai nên được công nhận quyền sử dụng đất và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D diện tích đo đạc thực tế 101,5m² tọa lạc tại tổ 7, Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về chi phí tố tụng:

3.1 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc bị đơn ông Lê Văn V1, bà Đặng Thị H phải chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 745.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0000212 ngày 26/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D đã nộp tạm ứng, nên ông V1, bà H phải hoàn lại cho ông M, bà D số tiền là 745.500 đồng.

3.2 Về chi phí định giá tài sản:

Buộc bị đơn ông Lê Văn V1, bà Đặng Thị H phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 8.500.000 đồng theo hóa đơn số 00000006 ngày 27/6/2022 của Công ty TNHH MTV bất động sản Đất vàng Kiên Giang. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D đã nộp tạm ứng, nên ông V1, bà H phải hoàn lại cho ông M, bà D số tiền là 8.500.000 đồng.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Văn V1, bà Đặng Thị H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004914 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Văn V1 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Lê Văn V1 và bà Đặng Thị H.

1.1. Công nhận cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đo đạc thực tế 101,5m², đất tọa lạc tại Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Vị trí và diện tích đất đo đạc thực tế theo Sơ đồ trích đo địa chính số: TĐ 68 – 2022 (285 – 4) ngày 23/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Kiên Giang có số đo các cạnh:

- + Cạnh 1-2 = 10,55m giáp đất Cao Quốc K;
- + Cạnh 2-3 = 10,01m giáp đất Nhà nước quản lý (Gành đá);
- + Cạnh 3-4 = 9,75m giáp đất ông Nguyễn Văn M;
- + Cạnh 4-1 = 10,07m giáp Đường quanh đảo Lại Sơn.

1.2. Khi có đủ điều kiện hoặc Nhà nước có chính sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên thì nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị D được quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký đối với phần đất này theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1 Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bị đơn ông Lê Văn V1, bà Đặng Thị H phải chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 745.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0000212 ngày 26/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D đã nộp tạm ứng, nên ông V1, bà H phải hoàn lại cho ông M, bà D số tiền là 745.500 đồng.

2.2 Chi phí định giá tài sản:

Buộc bị đơn ông Lê Văn V1, bà Đặng Thị H phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 8.500.000 đồng theo hóa đơn số 00000006 ngày 27/6/2022 của Công ty TNHH MTV bất động sản Đất vàng Kiên Giang. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D đã nộp tạm ứng, nên ông V1, bà H phải hoàn lại cho ông M, bà D số tiền là 8.500.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Văn V1, bà Đặng Thị H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004914 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Văn V1 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo